

**I. Thông số áp dụng cho HĐTL Chỉ số VN30**

STT	Nội dung thông số	Quy định thông số
1	Tỷ lệ ký quỹ ban đầu	17%
2	Tỷ lệ an toàn	75%
3	Ngưỡng cảnh báo 1: TK bị dừng mở mới vị thế và yêu cầu bổ sung tài sản ký quỹ để đưa tỷ lệ sử dụng tài sản về mức $\leq 75\%$	80%
4	Ngưỡng cảnh báo 2: TK bị yêu cầu bổ sung tài sản ký quỹ để đưa tỷ lệ sử dụng tài sản về mức $\leq 75\%$	85%
5	Ngưỡng xử lý: TK bị bắt buộc xử lý để đưa tỷ lệ sử dụng tài sản về mức $\leq 75\%$	90%
6	Tỷ lệ ép đóng vị thế tự động: TK bị bắt buộc bán tự động để đưa tỷ lệ sử dụng tài sản về mức $\leq 75\%$	95%
7	Giới hạn vị thế cho nhà đầu tư cá nhân	Dưới 5.000 Hợp đồng
8	Giới hạn vị thế cho nhà đầu tư tổ chức	Dưới 10.000 Hợp đồng
9	Giới hạn vị thế cho nhà đầu tư chuyên nghiệp	Dưới 20.000 Hợp đồng

**II. Thông số áp dụng cho HĐTL Trái phiếu Chính phủ**

STT	Nội dung thông số	Quy định thông số
1	Tỷ lệ ký quỹ ban đầu	6%
2	Tỷ lệ ký quỹ đảm bảo thực hiện hợp đồng tại ngày E+1	6%
3	Tỷ lệ ký quỹ đảm bảo thực hiện hợp đồng tại ngày E+2	6%
4	Tỷ lệ an toàn	75%
5	Ngưỡng cảnh báo 1: TK bị dừng mở mới vị thế và yêu cầu bổ sung tài sản ký quỹ để đưa tỷ lệ sử dụng tài sản về mức $\leq 75\%$	80%
6	Ngưỡng cảnh báo 2: TK bị yêu cầu bổ sung tài sản ký quỹ để đưa tỷ lệ sử dụng tài sản về mức $\leq 75\%$	85%
7	Ngưỡng xử lý: TK bị bắt buộc xử lý để đưa tỷ lệ sử dụng tài sản về mức $\leq 75\%$	90%
8	Giới hạn vị thế cho nhà đầu tư tổ chức với HĐTL Trái phiếu Chính phủ 05 năm	Dưới 5.000 Hợp đồng
9	Giới hạn vị thế cho nhà đầu tư chuyên nghiệp với HĐTL Trái phiếu Chính phủ 05 năm	Dưới 10.000 Hợp đồng
10	Giới hạn vị thế cho nhà đầu tư chuyên nghiệp là tổ chức với HĐTL Trái phiếu Chính phủ 10 năm	Dưới 10.000 Hợp đồng

<b>11</b>	Giới hạn vị thế cho nhà đầu tư chuyên nghiệp là cá nhân với HĐTL Trái phiếu Chính phủ 10 năm	Dưới 3.000 Hợp đồng
<b>12</b>	Giới hạn vị thế cho nhà đầu tư tổ chức với HĐTL Trái phiếu Chính phủ 10 năm	Dưới 5.000 Hợp đồng

*Chú ý: Các thông số này có thể thay đổi theo quy định của PHS theo từng thời kỳ*